



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00133-19-1



Dàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã	Thuyết	số	31/12/2018	1/1/2018
	minh		VND	VND
100			473.510.432.353	298.846.610.264
	TÀI SẢN			
	Tài sản ngắn hạn	(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)		
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5	138.034.815.704	140.951.996.201
111	Tiền		4.604.364.983	7.912.625.354
112	Các khoản tương đương tiền		133.430.450.721	133.039.370.847
120	Dầu tư tài chính ngắn hạn	6(a)	179.760.217.808	1.200.000.000
123	Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		179.760.217.808	1.200.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	7	97.310.360.889	103.294.085.577
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		90.630.649.632	69.115.769.586
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.009.978.098	33.112.019.425
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	5.020.183.041	2.266.846.628
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(1.350.449.882)	(1.200.550.062)
140	Hàng tồn kho	10	9.182.867.075	9.540.430.753
141	Hàng tồn kho		9.182.867.075	9.540.430.753
150	Tài sản ngắn hạn khác	15(a)	49.222.170.877	43.860.097.733
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.352.831.895	1.398.406.511
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		47.869.338.982	42.461.691.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.152.892.932.914	987.991.943.958
Tài sản cố định	220		1.114.865.152.013	493.025.283.111
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.014.072.373.485	392.465.112.124
Nguyên giá	222		2.027.390.537.686	1.282.531.144.077
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.013.318.164.201)	(890.066.031.953)
Tài sản cố định vô hình	227	12	100.792.778.528	100.560.170.987
Nguyên giá	228		103.551.770.987	103.283.070.987
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.758.992.459)	(2.722.900.000)
Bất động sản đầu tư	230	13	131.950.009	137.750.005
Nguyên giá	231		145.000.000	145.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.049.991)	(7.249.995)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.798.207.662	462.489.573.464
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.798.207.662	462.489.573.464
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	31.911.510.949	32.052.445.149
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		30.089.813.149	30.089.813.149
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.764.334.000	3.764.334.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.942.636.200)	(1.801.702.000)
Tài sản dài hạn khác	260		186.112.281	286.892.229
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	75.304.281	176.084.229
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		110.808.000	110.808.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.626.403.365.267	1.286.838.554.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		401.876.648.118	416.487.606.006
Nợ ngắn hạn	310		199.175.294.866	230.972.507.951
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	95.964.873.258	117.322.915.930
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	5.445.986.705	11.393.012.016
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	11.443.787.085	5.687.994.070
Phải trả người lao động	314		36.227.093.121	42.936.477.310
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.516.952.820	1.132.621.017
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.500.000	29.113.637
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	23.150.158.059	28.261.690.969
Vay dài hạn đến hạn trả	320	21	12.383.328.770	11.886.338.986
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	13.024.615.048	12.322.344.016
Nợ dài hạn	330		202.701.353.252	185.515.098.055
Vay dài hạn	338	21	199.533.315.078	182.270.019.931
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	3.168.038.174	3.245.078.124
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.224.526.717.149	870.350.948.216
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.224.526.717.149	870.350.948.216
Vốn cổ phần	411	25	990.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		990.000.000.000	660.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(215.000.000)	-
Quý đầu tư phát triển	418	27	157.162.317.406	112.277.977.776
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.579.399.743	98.072.970.440
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		77.579.399.743	98.072.970.440
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.626.403.365.267	1.286.838.554.222

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Ngô Quốc Văn
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Tâm
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

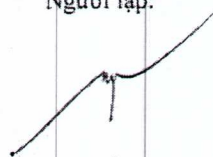
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	695.674.254.294	601.447.223.364
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	932.737.170	330.786.698
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	694.741.517.124	601.116.436.666
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	460.504.519.525	387.222.357.676
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		234.236.997.599	213.894.078.990
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	21.665.716.098	13.149.899.015
Chi phí tài chính	22	32	17.490.061.145	7.408.164.037
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.916.484.149	1.932.055.489
Chi phí bán hàng	25		3.049.403.916	2.643.020.890
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	53.217.636.227	60.080.371.052
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		182.145.612.409	156.912.422.026
Thu nhập khác	31	34	1.684.347.557	6.362.525.501
Chi phí khác	32		445.202.201	1.130.647.200
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.239.145.356	5.231.878.301
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		183.384.757.765	162.144.300.327
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	35.900.551.007	30.577.992.235
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		147.484.206.758	131.566.308.092
				(Đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.624	1.627

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:



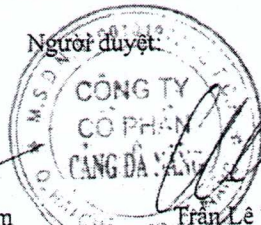
Ngô Quốc Văn
Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Ngọc Tâm
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn
Quyền Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		183.384.757.765	162.144.300.327
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		123.294.024.703	103.577.743.999
Các khoản dự phòng	03		290.834.020	(2.390.827.060)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.704.002.184	3.964.599.407
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(18.968.166.230)	(16.404.793.468)
Chi phí lãi vay	06		13.916.484.149	1.932.055.489
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		304.621.936.591	252.823.078.694
Biến động các khoản phải thu	09		(29.378.204.515)	15.387.255.774
Biến động hàng tồn kho	10		357.563.678	(613.991.587)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.932.029.111)	(38.773.767.771)
Biến động chi phí trả trước	12		146.354.564	(150.111.224)
			269.815.621.207	228.672.463.886
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.532.152.346)	(1.390.615.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.172.776.147)	(36.227.126.069)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.963.399.728)	(17.800.229.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		211.147.292.986	173.254.492.573
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(282.302.066.850)	(505.508.550.928)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	4.235.863.637
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(334.760.217.808)	(73.401.722.717)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		156.200.000.000	182.193.647.161
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(3.239.870.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.590.594.030	15.333.112.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(445.271.690.628)	(380.387.520.001)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

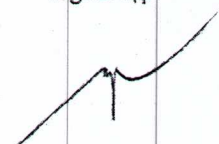
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		329.785.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		116.161.675.000	122.838.325.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(100.886.338.986)	(14.127.651.887)
Tiền trả cổ tức	36		(113.850.000.000)	(41.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		231.210.336.014	67.460.673.113
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.914.061.628)	(139.672.354.315)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		140.951.996.201	280.624.734.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.118.869)	(383.692)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	138.034.815.704	140.951.996.201


Ngày 27 tháng 3 năm 2019


Người lập:


 Ngô Quốc Văn
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Tâm
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán


 Trần Lê Tuấn
 Quyền Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này